

Mạn Đàm với BS Nguyễn Lưu Viên:

Từ Hà Nội La Celle-Saint Cloud đến những ngày VNCH hấp hối

LÂM LỄ TRINH

Mùa hè năm nay, Bs Nguyễn Lưu Viên từ Virginia về thăm gia đình ở California và lần đầu tiên sau trên bốn thập niên xa cách, chúng tôi mới có dịp tái ngộ để nhắc lại nhiều kỷ niệm chung thời xa xưa Hà Nội, khi anh là một sinh viên Y khoa, ngụ tại 135 đường Charon, sau Nhà Diêm, với Lê Quang Thuận, Khổng Toán, Ngô Thiện Khai... còn tôi thì học Luật, trú tại Đông Dương Học xá, phố Huế, với Trần Công Dung, Xuân Diệu, Cù Huy Cận, Dương Đức Hiền, Lâm Trọng Thức.. Sẵn dịp, anh đồng ý để tôi ghi âm cuộc nói chuyện thân mật về những năm dài anh hoạt động chính trị, đặc biệt với tư cách Trưởng đoàn tại Hội nghị Hiệp thương La Celle Saint- Cloud và trong chức vụ Phó Thủ tướng của ba nội các Trần Văn Hương (năm 1964, kiêm Tổng trưởng Nội vụ), Nguyễn Cao Kỳ (năm 1965, kiêm Tổng ủy phụ trách khối Văn hóa - Giáo dục và Xã-Lao) và Trần Thiện Khiêm (năm 1968, kiêm bộ Văn hóa- Giáo dục cho tới 1972). Từ 1973, hành nghề bác sĩ tại Viện Pasteur Saigon cho đến khi miền Nam thất thủ vào tháng tư 1975.

Bs Nguyễn Lưu Viên (NLV), sinh năm 1919, tại Trà Vinh, sức khỏe còn tốt và trí nhớ vẫn sắc bén. Anh vui tính như xưa, nói năng cười đùa lớn tiếng. Thoát ra khỏi Sài Gòn ngày 29.4.1975 trên một tàu Hải quân Việt Nam, (gia đình cho xuất ngoại trước), anh qua Guam, rồi Pendleton, tu nghiệp ở Oklahoma và hành nghề bác sĩ 11 năm tại Baptist Hospital, Union City, tiểu bang Tennessee. Về hưu ở Virginia năm 1988, anh sống ẩn dật, ít tiếp xúc bên ngoài nhưng không ngớt ưu tư về đất nước.

Cuộc mạn đàm gồm có ba phần: Giai đoạn tập kết theo Kháng chiến, dự Hội nghị La Celle Saint Cloud và nhận xét về những ngày tháng cuối cùng của Việt Nam Cộng hoà.

Giai đoạn theo Kháng chiến ra Bắc (1946- 1951)

Nhật lật đổ chính quyền Pháp của Decoux đêm 9.3.1945, trong khi NLV đang gác tại Nhà thương Phủ Doãn. Tiếp theo là nạn đói khủng khiếp Bắc Việt. Lúc đó, NLV học chưa xong năm thứ năm trường thuốc Hà Nội.

Tổng hội Sinh viên Việt Nam hăng hái phát động phong trào cứu đói và lăn xả vào công cuộc chống Nhật, chống Pháp theo lời kêu gọi của Hồ Chí Minh được xem như lãnh tụ có uy thế nhất. Tân Dân Chủ Đảng ra đời, thu hút sinh viên các trường Đại học Hà Nội. Một số như Dương Đức Hiền (Tổng trưởng Thanh niên trong Chính phủ Liên hiệp đầu tiên) Đinh Gia Trinh, Phan Anh, Phan Mỹ, Đỗ Xuân Soạn, Trần Bửu Kiếm, Mai Văn Bộ, Phạm Thành Vinh, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Việt Nam, Trần Văn Khê, Nguyễn Tấn Gi Trọng...lần hồi trở thành những con mồi ngon của Mặt trận Việt Minh. Một số khác, vài tháng sau, tổ chức về Nam bằng xe đạp vì con đường hoả xa xuyên Việt bị bom của Lực lượng Đồng Minh tiêu hủy nhiều đoạn.

Vừa hồi hương, tất cả - trong đó có NLV, Nguyễn Tôn Hoàn, Nguyễn Tú Vinh, Lê Văn Tài.... - bị cuốn vào cơn lốc kháng chiến. Ba sinh viên từ Bắc về: Đặng Ngọc Tốt, Huỳnh Bá Nhung và Ngô Tấn Nhơn thành lập chi nhánh Tân Dân Chủ Miền Nam và tuyển nạp Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Hiếu, Mã Thị Chu và Nguyễn Thị Bình vào hàng ngũ. Theo NLV, sách gởi đầu của nhóm này là quyển Tân Dân chủ nghĩa Luận của Mao Trạch Đông viết vào lối năm 1938, chỉ đề cập đến việc quốc hữu hoá các kỹ nghệ quốc phòng và chưa đi động đến quyền tư hữu. Chính vì vậy mà Ngoại trưởng Marshall của Tổng thống Roosevelt mới bị làm và đã thúc Tưởng Giới Thạch liên minh với Mao chống Nhật.

Tháng 9.1945, NLV, đang phụ tá cho y sĩ trưởng Trà Vinh là Bs Nguyễn An Trạch, rể của đốc phủ sứ Nguyễn Văn Tâm, con hùm xám Cai Lậy, (sau này Thủ tướng thời Bảo Đại) được lệnh của Ủy ban kháng chiến đưa dưỡng đường vào bụng, sau đó di tản theo hai phía, Bs Trạch về Cà Mau để tập kết ra Bắc, còn NLV thì qua Mỏ Cày, Bến Tre, tìm cách vào Khu 7 của tướng Nguyễn Bình đóng trong vùng Lộc Ninh. Tại đây, NLV gặp Bs Nguyễn Thị Lợi (sau này là vợ của Bs Lương Phán), cả hai bị kẹt ở Phước Hải mấy tháng vì quân Pháp chiếm Bà Rịa. Cuối cùng họ dùng ghe bầu vượt đến Tam Quan, Trung Việt, từ đó lấy tàu hoả ra Bắc vào tháng 6.1946. trước ngày Hồ Chí Minh dự hội nghị Fontainebleau.NLV tập sự tại nhà thương Bạch Mai cùng với vợ chồng Trần Vỹ - Nguyễn Thị Vinh, cả ba chưa kịp trình luận án bác sĩ thì vào tháng chạp 1946, toàn quốc kháng chiến chống Pháp. NLV làm phó cho Bs Phạm Văn Hải, quân y trưởng, tại trung đoàn 48 Thăng Long. Bs Nghiêm Xuân Thọ (em của Nghiêm Xuân Thiện) thay thế khi Bs Hải lên Việt Bắc. Sau ngày Bs Thọ dinh tề về Hà Nội, NLV đôn lên làm quân y trưởng.

Năm 1948, Bảo Đại ký hiệp ước Hạ Long và thành lập chính phủ. Sự kiện này thúc đẩy NLV và một số đồng nghiệp tìm cách rời bụng. Lối năm 1949, Trung cộng chiếm lục địa. Chính phủ quốc gia Việt Nam được công nhận. Sư đoàn 320, do Văn Tiến Dũng làm ủy viên chính trị và quân sự, được thành lập với

sự kết hợp của ba trung đoàn 48 (đặt dưới quyền chỉ huy của Phùng Thế Tài), 32 và 64. NLV trở thành quân y trưởng của sư đoàn.

NLV kể lại một câu chuyện khá lý thú: Có lần, Văn Tiến Dũng nói chuyện với NLV: Bố vợ anh - tức Tuần vũ Bắc Ninh Nguyễn Khánh Đắc - thời Pháp, đã từng xử tử tôi về tội phá rối trị an! (nhưng Dũng, may thay, vượt ngục được). Một kỷ niệm khác, còn nhớ mãi: Cuối 1947, trước Điện Biên Phủ, Võ Nguyên Giáp đến trung đoàn 48 thanh tra và ủy lạo thương binh. Lúc đó, người chết như rạ vì kiệt lực và thương hàn, thuốc men không có. Để tinh thần quân đội không suy sụp, các y sĩ mỗi ngày pha chất teinture d'opium và 5 viên quinacrine vàng trong một lít nước, phát cho mỗi con bệnh một ly để uống cầm hơi. Một cách trị bệnh... tâm lý! Quân y trưởng trình bày tình trạng thê thảm đó và xin giúp đỡ. Giáp khen các cấp cố gắng và - thay vì hứa cấp thuốc - Giáp hỏi tại sao không gấp tổ chức... trường y tá (!). Các y sĩ ngó nhau ngẩn ngơ. Giáp tiếp: Hãy nhớ cán bộ giải quyết tất cả mọi vấn đề: Tổ chức, tổ chức, và tổ chức!. Vì có lệnh, trung đoàn không dám cãi, ráng quơ quào tổ chức lớp đào tạo y tá. Ba tháng sau, NLV gửi người lên Trung ương, quả nhận được thuốc đủ dùng, do kế hoạch CS nhập thành mua hay xin các dược phòng và tự nhân tiếp tế thuốc. CS còn dùng mỹ nhân kế dụ lính Lê dương trộm nhiều loại dụng cụ y tế và dược phẩm hiếm trong binh đội Pháp. Trở thành Quân y trưởng Sư đoàn 320, NLV thực hành kinh nghiệm cán bộ nói trên khi cho tải thương binh từ mặt trận về các bệnh xá hậu phương bằng những toán người không võng luân phiên.

Vấn: *Vì sao anh trở về thành? năm nào? bằng con đường nào? Có gặp khó khăn gì không?*

Đáp: Năm 1951, Sư đoàn 320 chịu trách nhiệm bên hữu ngạn Hồng Hà, gồm có vùng Hoà Bình, Sơn Tây, Phủ Lý, Nam Định và Ninh Bình. Tôi về Hà Nội để học xong y khoa và vào Sài Gòn trình luận án. Tôi thoát khỏi Chiến khu Ba, đến Phát Diệm, viện cố đi kinh lý vùng sát bên tề nghĩa là giáp ranh phần đất Pháp cai trị. Tôi không gặp trở ngại nhờ vợ tôi lúc đó ở Hà Nội, bố trí sẵn. Và chẳng, tôi đã thủ chất độc arsenic, phòng khi bị CS bắt, tôi xử dụng ngay. Khi thấy cờ Vatican tung bay trên cổng Phát Diệm, lòng mừng vô hạn!

Muốn sống còn trong tay CS, cần giả dại để qua ải. Tôi còn nhớ: trong một đêm họp kín ở một dưỡng đường sau tiền tuyến tại làng Lê Xá, tỉnh Thanh Hóa, thuộc Khu 4, Bs Phạm Phú Khai, Nguyễn Đức Khang và tôi đang bàn tính kế hoạch chuồn êm theo gót đồng nghiệp Nguyễn Tuấn Phát trốn an toàn về Hà Nội thì Bs Dư Thế Bảo, Quân y trưởng Liên khu 3, một đảng viên CS và là xếp của chúng tôi, bất chợt xuất hiện, y giận dữ báo tin Phát dinh tề rồi! Do một phản ứng tự vệ, ba chúng tôi đồng thanh mặt sát Phát: "*Quả là thằng*

ngu! kháng chiến sắp thắng lợi, phí bao công lao!” Cuối cùng, tôi thoát đi được, một thời gian sau tới phiên Khai, nhưng Khang - tội nghiệp! - bị kẹt lại.

Năm 1951, trên mười đồng nghiệp của tôi trở về thành. Anh biết vì sao không? Mùa hè năm đó, trong Đại hội Quân Y Liên khu 3 và 4 tại Thanh hoá, Bs chủ tịch **Hoàng Đình Cầu** - sau này là Thứ trưởng Y tế và Viện trưởng Đại học Y khoa Bắc Việt - đồng dục chỉ thị: *“Khi bạn vào một gia đình chăm sóc bệnh mà biết được gia đình này có tư tưởng phản cách mạng thì bạn phải tức khắc báo cho trạm công an gần nhất hay biết”*. Các y sĩ có mặt trong buổi họp nêu rằng hành động này trái với lời tuyên thệ Hippocrate của họ khi ra trường, theo đó họ đã long trọng cam kết gạt bỏ mọi thành kiến khi chữa bệnh. Hoàng Đình Cầu liền phản pháo gay gắt: *“Lời thề Hippocrate là một sự bịa đặt của tư bản phản động để gạt các anh!”*.

Nghe câu này - NLV nói -comme la goutte qui fait déborder le vase, chúng tôi ngó nhau, lắc đầu ngao ngán. Mỗi người từ đó tìm mọi cách thoát thân. Riêng tôi, nếu ở lại, sẽ bị chúng đày lên Việt Bắc như Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo... Một cơn ác mộng!

Vấn đề Nam Việt Nam giải quyết trên chiến trường không phải tại Hội nghị La Celle Saint Cloud!

Vấn: Hoà đàm tại Paris bắt đầu ngày 13.5.1968 tại khách sạn Majestic, đại lộ Kléber, và kết thúc ngày 27.1.1973 bằng một Hiệp ước ký tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế Paris. Với tư cách Phó Thủ tướng, anh đóng vai trò gì và có theo dõi mọi diễn tiến hay không?

Đáp: Khi qua Paris để quan sát trong phái đoàn VNCH, Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ có đề nghị tôi tham gia bên cạnh Trưởng đoàn Phạm Đăng Lâm. Tôi từ chối, vì trong nước, lúc đó, tôi kiêm thêm Bộ Văn hoá- Giáo dục, công việc bề bộn. Trong thời gian hoà đàm, có những Bộ chuyên môn phụ trách. Tổng trưởng Ngoại giao là Trần Chánh Thành, rồi Trần Văn Lắm, rồi Nguyễn Phú Đức, em vợ tôi.

Vấn: Trong trường hợp nào, anh được chọn làm trưởng đoàn tại Hội nghị Hiệp thương La Celle Saint Cloud? Phái đoàn VNCH gồm có ai? ngụ ở đâu? Phái Chính phủ lâm thời Mặt trận Giải phóng miền Nam có ai? Ai cố vấn cho anh nhiều nhất trong thời gian nhóm họp?

Đáp: Tôi nghĩ tôi được chọn vì quá khứ kháng chiến của tôi, chứ không phải vì tôi có tài ăn nói miệng lưỡi. Phái đoàn Saigon gồm có Nguyễn Xuân Phong (phó trưởng đoàn), Trần Văn Ân, Trần Văn Đỗ, Nguyễn Quốc Định, Nguyễn

Đắc Khê, Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Ngọc An, Ls Nguyễn Thị Vui (bà con với Huỳnh Tấn Phát và từng quen Nguyễn Thị Bình) và Nguyễn Triệu Đan (phát ngôn viên báo chí). Chúng tôi ngụ trong biệt thự mười tại đại lộ Mayot, trong vườn Luxembourg, trước đây do vợ chồng ông Kỳ xử dụng. Nguyễn Ngọc Huy - cùng với Nguyễn Đắc Khê - giúp tôi đắc lực để đối đáp với phái đoàn Mặt trận do Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu. Họ có hai thành viên phái nữ gốc miền Nam, Thật sự, phó trưởng đoàn Đinh Bá Thi giựt dây, thấy rõ.

Vấn: Theo lời trình bày của Ngoại trưởng Nguyễn Thị Bình và Nguyễn Văn Hiếu trong quyển Hồi ức về Hội nghị Paris (nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2001) thì, để trả lời đề nghị 6 điểm ngày 25.4.1973 của Mặt trận, phái đoàn VNCH có đưa ra dự thảo thoả ước gồm 4 vấn đề: tổng tuyển cử, lập hội đồng, các lực lượng vũ trang và tự do dân chủ nhưng lập trường của Sài Gòn thực chất là chống lại hoà giải, hoà hợp dân tộc theo nguyện vọng của đại đa số nhân dân. Vì thế cuộc hiệp thương lâm vào bế tắc.. Anh nghĩ sao?

Đáp: Theo điều 12 của Hiệp định 4 bên ký tại Paris thì trong thời hạn 90 ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực - kể từ 24 giờ GMT ngày 27.1.1973,- hai bên miền Nam Việt Nam làm hết sức mình để thực hiện việc ký kết một hiệp định về các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam. Tổng thống Thiệu không có chỉ thị đặc biệt gì cho chúng tôi vì biết trước hội nghị La Celle Saint Cloud không đi đến đâu, chỉ có tác dụng câu giờ, mọi vấn đề sẽ giải quyết trên chiến trường. Đúng như Nguyễn Văn Hiếu kể lại, cuộc đàm phán diễn ra tẻ nhạt, mỗi tuần hai bên gặp nhau một lần, mỗi phía đọc bài phát biểu chuẩn bị sẵn, sau đó tranh luận một lúc và chấm dứt để hẹn kỳ họp sau. Sau lời trên mười phiên họp vài tháng đầu, tôi trở về Sài Gòn, để cho Nguyễn Xuân Phong thay thế. Mặt trận GPMN dùng Hội nghị như một diễn đàn tuyên truyền.

Vấn: Vì sao ngày 13.6.1973, Kissinger (Hoa Kỳ), Lê Đức Thọ (Việt Nam DCCH), anh (thay mặt VNCH) và Nguyễn Văn Hiếu (MTGPMN) lại ký tại Kléber một thông cáo chung chuẩn bị vài giờ trước cùng ngày bởi sự ký kết một văn bản thoả thuận giữa Kissinger và Lê Đức Thọ tại Gif-sur-Yvette? Phải chăng để gỡ một thế bí? Thông cáo chung này nội dung ra sao? Lý do nào thúc đẩy anh trở lại Paris?

Đáp: Vì quá lâu, tôi không nhớ thông cáo này nói gì nhưng rất cuộc, cũng chẳng đi đến đâu. Tôi trở lại Hội nghị để phản đối mạnh mẽ MTGPMN và Bắc Kinh ký kết cho dân Hoa và Việt vô ra Trung quốc và miền Nam Việt Nam khỏi cần chiếu khán. Quyết định này tai hại vì mở ngõ miền Nam Việt Nam cho Tàu cộng tràn vào.

Vấn: Theo Nguyễn Văn Hiếu, sau đó anh có trở qua tái họp tại La Celle-Saint Cloud, mời phái đoàn Mặt trận dùng cơm chung, họ từ chối. Và anh rời bỏ hội nghị luôn.

Đáp: Đúng vậy, tôi có đề nghị phái đoàn của Hiếu dùng cơm chung, vì cùng là dân miền Nam cả, nhưng họ tránh né. Phó trưởng đoàn Nguyễn Xuân Phong thay tôi tại Hội nghị cho đến ngày 15.5.1974 thì hai bên ngưng hẳn cuộc đàm phán. Có tất cả 47 phiên họp. Sau tháng 4.1975, Nguyễn Xuân Phong ở lại Việt Nam và nghe nói y cộng tác với CS.

Những ngày tháng hấp hối của Việt Nam Cộng hoà.

Sau đây, xin tóm tắt câu chuyện vấn đáp thân tình giữa bác sĩ Nguyễn Lưu Viên và chúng tôi về giai đoạn dẫn đến sự sụp đổ của miền Nam:

Vấn: Lúc còn ở trong chính quyền, bắt đầu từ lúc nào anh cảm nghĩ Hoa Kỳ bỏ rơi VNCH? Trước hay sau hoà đàm Paris?

Đáp (suy nghĩ một lúc): Sau hoà đàm Paris. Khi quân ta rút khỏi Ban Mê Thuột. Trước đó, nói thật, Chính phủ không biết gì hết về việc điều đình giữa TT Thiệu và Kissinger. Ông Thiệu cho đây là chuyện riêng, đôi khi bàn với Hoàng Đức Nhã (Thông tin) và Nguyễn Phú Đức (Ngoại giao). Tôi có cảm tưởng TT Thiệu và Thủ tướng Khiêm đều tin Mỹ sẽ không bỏ rơi vì miền Nam có dầu lửa. Chính tôi đã đích thân dùng máy bay trực thăng ra ngoài khơi đảo Poulo Condore viếng một giàn khoan Hoa Kỳ. Họ có tặng cho tôi một échantillon dầu trong một cái tube và giải thích rằng loại dầu này rất tốt, và vùng này của Việt Nam nằm trên một nappe dầu vĩ đại - như trên lưng một con voi - trải dài tới Nam Dương. Thiệu lẫn Khiêm đều hy vọng Việt Nam sẽ tham gia OPEC (sic)

Vấn: Ở đoạn trên, anh có nói: khi đi nhóm tại La Celle Saint Cloud, anh không tin hội nghị đem lại kết quả vì vấn đề sẽ giải quyết trên chiến trường miền Nam. Xin vui lòng cho biết rõ: Ai giải quyết? MTGPMN? Hoa Kỳ? hay Chính phủ Sài Gòn?

Đáp: Nhiều người trong phái đoàn VNCH - luôn cả Bs Trần Văn Đổ - cũng tin Mỹ sẽ giúp Sài Gòn giải quyết. Đặc biệt, với oanh tạc cơ B52. Trước Ban Mê Thuột, tôi có cảm tưởng (TT) Thiệu nghĩ đến giải pháp Việt Nam có thể chia thành ba vùng: CS phía Bắc, MTGPMN từ vĩ tuyến 17 đến vĩ tuyến 13, và Việt Nam Cộng hoà, phần đất còn lại. Đúng vậy, tôi còn nhớ một buổi chiều, - trước vụ bỏ Ban Mê Thuột - ông Thiệu họp với (Phó Tổng thống) Trần Văn Hương, (Thủ tướng) Trần Thiện Khiêm, tôi (Nguyễn Lưu Viên), Nguyễn Văn

Hảo (Phó thủ tướng, kiêm khối Kinh tế- Tài chính), (Trung tướng) Đặng Văn Quang và (Thiếu tướng CA) Nguyễn Khắc Bình tại Dinh Độc Lập. Hảo nói, với giọng bỡn cợt,: Trời ơi! Thừa Tổng thống, sao mà đánh đầu chạy đó vậy?(hì hì), mình phải làm gì chứ?. Ông Thiệu liền chỉ vào một bản đồ quân sự lớn treo trong Văn phòng: Đây! - ông trả lời - đây Đà Nẵng, sẽ là Stalingrad và ông vẽ một đường từ Đèo Cả xuyên tới Đà Lạt. Liền sau đó, có lệnh cho Quân đội quốc gia tử thủ, không được rút xa hơn nữa. Cụ Hương sửa vài chữ trong thông cáo và trao cho Đại tá Cầm điện cho các ông tướng liên hệ. Về giả thuyết chia Việt Nam làm ba, tôi nhớ sự việc diễn ra như sau: Bữa đó, Phó Thủ tướng Trần Văn Đôn vừa đi quan sát ở Mỹ và Âu châu về. TT Thiệu tiếp Đôn để nghe báo cáo và cùng chúng tôi lên Dinh Độc Lập ăn cơm. Khi đi ngang chỗ đang sửa chữa vì vừa bị dội bom, ông Thiệu thấy có treo một lá cờ vàng ba sọc đỏ, ông liền nói: Không biết các anh có tin dị đoan hay không, chứ còn tôi, tôi nghĩ ba gạch tượng trưng cho đất nước mình sẽ chia ra làm ba!. Có lẽ ý kiến này đã thoát qua tâm trí của ông Thiệu lúc đó. Không ai phản ứng hay bình phẩm gì. Trong số quan khách, có cả Bs Phan Quang Đán.

Vấn: Khi bỏ Ban Mê Thuột, Ông Thiệu có bàn trước với Nội các hay cá nhân anh hay không?

Đáp: Không có! Không biết ông Thiệu có tính với Cao Văn Viên hay không?

Vấn: Theo anh, vì sao Thiệu bỏ Pleiku sau Ban Mê Thuột? Có người cho rằng ông Thiệu muốn thâu tóm Hoa Kỳ? Để mặc cả' với Mỹ? Tướng Ngô Quang Trưởng từng thố lộ với tôi rằng QĐQG vẫn còn khả năng cầm cự. Anh nghĩ sao?

Đáp (một phút trầm ngâm): Vụ rút lui ở Ban Mê Thuột làm tan hoang hết! **Nội các không hề được hỏi ý kiến. Pas un mot!** Một ngày sau khi bỏ Pleiku, có nhóm Hội đồng Nội các. Sau ordre du jour đã xong, Tổng trưởng Ngô Khắc Tĩnh dơ tay lên, nói : Thừa Thủ tướng, tôi xin Thủ tướng một faveur: Dầu sao, chúng tôi cũng là nhân viên Hội đồng Nội các, bà xã tôi vừa nghe tin Pleiku mất trên đài BBC và VOA, mới nói lại cho tôi biết. Vậy xin Thủ tướng - nếu có tin gì - thông báo chúng tôi, chứ không kỳ quá!

Lúc đó. trên bàn chủ tọa, Thủ tướng Khiêm xoay qua tôi ngồi bên phía trái, nói nhỏ: Moa cũng vậy! (sic). Tôi ngạc nhiên trả lời: **Bộ nói giả ngộ hay sao? anh là Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng, Đại tướng bốn sao mà!** Ông Khiêm gật đầu: **Thật chứ!** (nguyên văn).

Vấn: Không lẽ ông Thiệu lại quyết định một mình chuyện quá nghiêm trọng như vậy?

Đáp: Tôi có nghe hình như Tổng thống Thiệu có hội ý với hai tướng Cao Văn Viên và Phạm Văn Phú. Tuy nhiên, sau tháng tư 1975, tôi thoát được qua đảo Guam, có gặp một số sĩ quan cao cấp trong Bộ Tổng Tham mưu, họ quả quyết ông Viên chỉ biết sau khi việc này xảy đến. *Phủ Tổng thống ra lệnh thẳng cho các Tư lệnh vùng, không qua Tổng Tham mưu, bằng một hệ thống trực tiếp.* Vậy, ông Thiệu đã chỉ thị ngay cho tướng Phú? Điểm này, nghĩ nên duyệt lại.

Vấn: Tại sao Thủ tướng Khiêm và anh (Phó Thủ tướng) không phản đối?

Đáp: Phản đối cách nào và vì sao? Có biết đâu mà protester?... Đây là vấn đề quân sự! (sic)

Vấn: Anh từng từ chức Phó Tổng ủy Di cư thời Ngô Đình Diệm và đã tham gia nhóm Caravelle thập niên 50 để phản đối độc tài gia đình trị nhà Ngô, tại sao anh lại có thể chấp nhận hành động đơn phương của TT Thiệu như vậy trong khi anh giữ chức vụ Phó Thủ tướng?

Đáp: Bởi vì... lúc đó, không thấy gì bề ngoài. Bởi vì... ông Thiệu rất khôn. Bởi vì..., về quân sự, có Ủy ban tướng lãnh ở phía sau. Tôi không có chân trong Hội đồng An ninh Quốc gia.

Vấn: Nguyễn Phú Đức đóng vai trò hệ trọng trong HĐANQG, tương đương với Kissinger bên Mỹ. Là em vợ của anh, Đức không cho anh biết hay sao?

Đáp: Khi nào cần, Đức mới được TT Thiệu vấn ý, Đức không phải là hội viên thường trực. Trong Hội đồng, còn có Thủ tướng, có Tổng Tham mưu trưởng Cao Văn Viên, Cố vấn quân sự Đặng Văn Quang), Tổng giám đốc Công an Nguyễn Khắc Bình, các Tư lệnh Quân khu.

Vấn: Nhưng trong vụ bỏ Cao Nguyên và Miền Trung, TT Thiệu đã qua mặt các nhân vật vừa kể?

Đáp: Có thể! Trong vụ Ban Mê Thuột, có lẽ tướng Viên biết, vì - theo Nguyễn Phú Đức viết trong hồi ký *Pourquoi les États Unis ont-ils perdu la guerre au Việt Nam?* - chính ông Viên chỉ con đường số 19 để rút quân (thay vì liên tỉnh lộ số 7) nhưng lộ trình triệt thoái này quá xấu. Tôi không biết rõ ai đã lấy quyết định trong nội vụ, tướng Phú hay tướng Tất.

Vấn: Trong bài tôi phỏng vấn trước đây Ngoại trưởng Trần Văn Lắm, ông Lắm có kể lại câu phê bình của tướng Westmoreland: Đây là một sự triệt thoái hỗn loạn nhất mà tôi từng thấy! Anh đồng ý hay không?

Đáp: Đồng ý! **Cuộc triệt thoái chỉ được quyết định trong vòng 24 giờ đồng hồ.** Các đơn vị của ta không thể vừa rút lui, vừa mang theo cả gia đình đùm đê của họ mà họ phải bảo vệ. Cho lập các trại gia binh nơi đồn trú của binh sĩ là một thất sách. Chủ trương người lính, tay súng, tay cày - chiến đấu vừa bảo vệ tổ quốc, vừa chu toàn an ninh cho thân nhân - không dễ thực hiện. Trong khi đó, người lính Bắc Việt bị Đảng CS ép sinh Bắc, tử Nam, ra đi không có ngày về, họ không có những bạn bậu của người lính quốc gia. Mặt khác, về binh thuật, triệt thoái lắm khi khó hơn tấn công.

Vấn: Một vấn đề khác: Anh có liên hệ gì đến đảng Dân chủ của TT Thiệu không? Đảng này ảnh hưởng đến tinh thần Quân đội ra sao? Tệ hại như đảng Cần Lao thời TT Diệm chăng?

Đáp: Tôi không liên hệ. Ông Thiệu cũng không hề bàn với tôi. Ông Thiệu cho ra đời đảng Dân chủ để ủng hộ ông tái ứng cử và đắc cử Tổng thống. Không có mục tiêu nào khác. Ông Thiệu có cho lập một Mặt trận gồm vài đảng phái nhưng tồn tại không bao lâu. Thành thật, tôi không biết ảnh hưởng của đảng Dân chủ trong Quân đội. **Không thể so sánh đảng Dân chủ với đảng Cần lao vì đảng Cần lao có đường lối, lãnh đạo và hệ thống tổ chức khá hơn nhiều. Đảng Cần lao nguy hiểm hơn.**

Vấn: Anh còn nhớ phong trào tổ tham nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh chó? Thời Thiệu có nạn tham nhũng không?

Đáp: Chắc là có. Tôi hỏi lại anh: Trong tất cả các chính phủ Việt Nam, hiện tại và tương lai, vấn đề gì khó khăn

nhất?.. Anh vừa trả lời: - Cần nâng cao dân trí để dân có thể chọn lựa sáng suốt và trực tiếp cấp lãnh đạo của mình. Vous avez le gouvernement que vous méritez. Tôi xin bổ túc với ba điểm: 1) Tách Nhà nước khỏi Tôn giáo, séparation de l'État et de l'Église. 2) Quân đội luôn luôn phải ủng hộ và tuân lệnh Chính phủ hợp hiến, hợp pháp. L'Armée est la Grande Muette, có nghĩa là công dân có quyền tham gia đảng phái, nhưng khi vào quân đội, không được tuyên truyền chính trị. 3) Các đảng phái phải hợp pháp, hợp hiến, ôn hòa và công khai.

Vấn: Ba điểm anh vừa trình bày đúng là ba cột trụ của chế độ pháp trị, État de droit. Nên phân biệt luật Nhà nước (loi) và quyền dân (droit).

Trong các chế độ chuyên chế, lắm khi Luật bất chấp Quyền. Trong chế độ pháp trị, luật chính phủ phải lấy quyền của dân chúng làm gốc. Xin phép hỏi thêm anh vài câu chót, ngắn gọn:

Lúc tại chức, anh thường tiếp xúc với hai phụ tá chính trị của TT Thiệu là Huỳnh Văn Trọng và Nguyễn Văn Ngân hay không (cả hai đều kết thúc sự nghiệp trong tù)? Anh nghĩ sao về vụ Ngân đả kích Thủ tướng Khiêm trên báo? Anh có liên hệ gia đình gì với Tướng Nguyễn Khánh, Trần Văn Văn và cụ Bùi Quang Chiêu? Trong nhóm Caravelle trước đây, bao nhiêu người còn sống?

Ai giết Trần Văn Văn? Khi bốn Tổng trưởng gốc Nam trong chính phủ Nguyễn Cao Kỳ như Âu Trường Thanh, Trần Ngọc Liễn... từ chức để phản đối kỳ thị, tại sao anh - lúc đó Phó Thủ tướng - lại không ủng hộ họ? Anh nghĩ sao về chuyện Nguyễn Thị Bình viết hồi ức tiết lộ nhóm Dương Văn Minh đi đêm với MTGPMN từ lâu, trước hoà đàm Paris? Xin cho biết ý kiến về vụ tướng Nguyễn Khánh dùng bức thơ của Huỳnh Tấn Phát để liên lạc, trong lúc lưu vong, với Chính phủ lâm thời Giải phóng Miền Nam (chuyện này cũng do MTGPMN xác nhận trong quyển hồi ức về Hiệp định Paris, xuất bản gần đây)?

Đáp: Tôi không giao thiệp nhiều với hai ông Trọng và Ngân. Tôi nghĩ ông Khiêm là người tốt. Tôi là cậu của Nguyễn Khánh, chị thứ tư của tôi lấy Nguyễn Bửu, thân phụ của Khánh. Kế mẫu của nhà tôi là bà con của cụ Bùi Quang Chiêu; Trần Văn Văn với tôi là cousins.

Nhóm Caravelle chúng tôi gồm có 18 nhân sĩ, phần đông đã qua đời. Hiện Trần Văn Ân sống tại Rouen (Pháp), Bs Nguyễn Tiến Hỷ và linh mục Hồ Văn Vui tại Việt Nam.

Chúng tôi chống chương trình Khu Trù mật, không chống kế hoạch Ấp chiến lược của ông Diệm. Vài hôm sau vụ Vương Văn Đông - Nguyễn Chánh Thi đảo chính hụt Ngô Đình Diệm cuối năm 1959, Đại tá Công an Nguyễn Văn Y, thời Bộ trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương, tóm giam nhóm Caravelle tại trại Võ Tánh, Sài Gòn, cho đến tháng 2.1960 mới thả.

Có hai giả thuyết về vụ ám sát Trần Văn Văn: Một số người nghi nhóm Bắc kỳ ghét người Nam tổ chức nhưng về sau, CS xác nhận chính họ chủ mưu, để chia rẽ phía quốc gia. Khi Văn bị hạ sát, tướng Nguyễn Ngọc Loan, Công an, điện thoại dọa tôi.

Việc nhóm Thanh - Liễn và hai tổng trưởng Nam cờ trong Nội các Kỳ từ chức là một hành động không đúng, do Thanh sắp xếp. Trần Văn Văn cho tôi biết Âu Trường Thanh là rể của Giáo Cái, Bến Tre, một cán bộ cao cấp phía bên kia. Còn Liễn thì, sau khi ôm chân Ân Quang, y hoạt động cho Hànội trong Lực lượng thứ ba, làm quân sư cho tướng Minh, và lúc CS chiếm Sài Gòn, Liễn chạy chọt ghế dân biểu Quốc hội.

Dương Văn Minh có người em CS là Dương Văn Nhật, một sĩ quan, lén lút liên lạc với Minh từ lâu. Lúc sanh tiền, Trần Văn Văn từng nói với tôi: không thể tin Dương Văn Minh được!

- Tôi không đồng ý về lập trường của Nguyễn Khánh. Sau 1975, qua Mỹ, Khánh mới cho tôi biết chuyện liên lạc với Huỳnh Tấn Phát và MTGPMN. Trong lúc tại chức, Khánh cũng đã dùng Quốc vụ khanh Bs Lê Văn Hoạch (Cao Đài, cựu Thủ tướng, đời Bảo Đại) để tiếp xúc. Ông Hoạch có người em, giáo sư tại trường Pétrus Ký, tập kết ra Bắc từ lâu.

Vấn: *Xin thành thật cảm ơn Anh đã chia sẻ bộc trực một số ký ức độc đáo tuy chưa nói hết. Rất mong những sử liệu khác từ những nhân vật còn sống như các ông Nguyễn Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Cao Văn Viên, Ngô Quang Trưởng..vv.. sẽ làm sáng tỏ vụ bỏ ngỏ Miền Trung, một vấn đề vẫn đè nặng đến nay trên tâm tư người Việt lưu vong. Cuối một cuộc đời tranh đấu chính trị cam go, anh hy vọng gì về tương lai của đất nước?*

Đáp: Thiển nghĩ, muốn đất nước phát triển vững, cần dứt khoát dẹp bỏ thành kiến và óc bè phái địa phương. Cần nghiêm túc đoàn kết. Không tuyên truyền bịp bợm.. Tự do phải là mục tiêu tối thượng. Tự do phải được bảo đảm bởi một chính phủ của dân, bởi dân và vì dân. Dân Việt Nam, không hướng ngoại, không lai căng.

i) Trong quyền hồi ức thứ ba Tổng Hành Dinh trong Mùa Xuân Toàn thắng do Nhà xuất bản Quân Đội Nhân dân Hànội phát hành tháng 5.2000, Võ Nguyên Giáp ghi rằng, sau khi mất Ban Mê Thuột ngày 11.3.1975, TT Thiệu nhóm họp với Tướng Phạm Văn Phú, tư lệnh vùng 2, trưa ngày 14.3.1975 tại Cam Ranh để quyết định rút khỏi toàn Cao nguyên. Quân đội VNCH bỏ Pleiku ngày 16 tháng 3 và Kontum ngày 17.3.1975.

ii) Báo Công An Thành phố HCM, số ngày 30.4.1998, có đăng bài Trận đánh ngoạn mục giữa lòng thành phố (kèm theo ảnh của cán bộ Trần Hoàng Sinh thuộc lực lượng an ninh CS T4)) kể lại trường hợp Sinh, với sự trợ giúp của đồng lõa Tám Em, ngày 17.12.1966 hạ sát bằng súng Dân biểu Trần Văn Văn

(lúc đó là Chủ tịch Quốc hội Lập hiến, chứ không phải Nghị sĩ, như bài ghi trật) tại ngã ba đường Phan Kế Bính - Phan Đình Phùng, Sài Gòn và vụ khổng rằng đây là một sự thanh toán nội bộ vì quyền lợi giữa các phe phái quốc gia. Cũng theo bài vừa nêu, trong ba ứng cử viên Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ và Trần Văn Văn tại miền Nam Việt Nam năm 1966, Hà Nội xem Văn là người đáng bị khai trừ ưu tiên vì là một con bài của Mỹ, nếu đắc cử tổng thống, sẽ rất nguy hại cho Cách mạng. Trần Hoàng Sinh thoát được, còn Tám Em thì bị bắt và đày ra Côn đảo. Sau tháng 4.1975., Tám Em được tự do.

Vụ ám sát tại Sài Gòn, bằng cách đặt chất nổ, Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chính Nguyễn Văn Bông, một chính khách khác gốc miền Nam, lãnh tụ đảng Tân Đại Việt, sau đổi tên thành đảng Cấp tiến, (có tin đồn vài hôm trước, Bông có hy vọng được chọn làm Thủ tướng), xảy ra sau vụ Trần Văn Văn và gây thắc mắc không ít, liên hệ đến vấn đề kỳ thị Nam-Bắc. CS Hà Nội cũng đã lên tiếng chính họ chủ mưu giết Gs Bông.

iii) Một thân nhân của Huỳnh Tấn Phát, hiện ở Paris, cho tác giả bài này biết: Sau 1975, Phát bắt mất vì bị thất sủng. Sau 1980, CS cảnh cáo Phát bằng một vụ mưu sát hụt. Phát bị thương tích và được đi trị bệnh tại Nga. Vài năm sau, Phát qua đời tại Saigon trong sự lãng quên của quần chúng.

LÂM LỄ TRINH Ngày 1.9.2001 Thủy Hoa trang Huntington Beach, Californie

=====

THƯ TỊCH 1 - Đọc Hồi ức của Nguyễn Thị Bình và Tập thể tác giả: Mặt trận Dân tộc Giải phóng - Chính phủ Cách Mạng Lâm thời tại Hội nghị Paris., Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.

2 - Giáp: Lời trời bên bờ huyết - Phê bình quyền hồi ức thứ ba của Võ Nguyên Giáp, bài của Lâm Lễ Trinh, trong tạp chí Đi Tới., Montréal.Canada, ngày 27.6.2000

3 - Bài Mạn đàm với cựu Ngoại trưởng Trần Văn Lắm: Mặt trái và bài học Hiệp định Paris 1973 của Lâm Lễ Trinh, trong tạp chí Dân chủ & Phát triển, Dortmund, Đức quốc ngày 5.9.1999

3 - Réflexions sur une trahison- A propos des Mémoires de Nguyễn Phú Đức: Pourquoi les États Unis ont-ils perdu la guerre au Viet Nam? par Lâm Lễ Trinh dans la revue Reflets d'Asie, Paris, Octobre 2000.